

Số: 156 /YCBG-BVDL

Hưng Yên, ngày 03 tháng 4 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thuốc tại Việt Nam.

Bệnh viện Da liễu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp sắm thuốc tại nhà thuốc Bệnh viện Da liễu năm 2026-2027, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Da liễu

Địa chỉ: Số 278, đường Trần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Hà Thu - bộ phận Văn thư,

SĐT: 0396141168.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bảng báo giá (theo mẫu file đính kèm)

+ Bản ký đóng dấu: Gửi về Hà Thu, Bộ phận văn thư - Bệnh viện Da liễu,

Địa chỉ: Số 278, đường Trần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên (Tài liệu gửi về Bệnh viện phải niêm phong theo quy định)

+ File mềm báo giá về địa chỉ gmail: vanhuthubenhviendalieu@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 07h ngày 03/4/2026 đến trước 17h ngày 13/4/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 13/4/2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm thuốc tại nhà thuốc Bệnh viện Da liễu năm 2026-2027

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:



Tại kho Dược Bệnh viện Da liễu,
Cơ sở 1 Số 278, đường Trần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng
Yên,

Cơ sở 2 thôn Cộng Đồng, xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2026 - 2027

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.
- Thanh toán: Thanh toán làm nhiều lần trên cơ sở hoá đơn, biên bản bàn giao, nghiệm thu của từng lần giao, nhận hàng.

5. Các thông tin khác (nếu có): không

Bệnh viện Da liễu kính mời các đơn vị cung cấp ở Việt Nam có năng lực, kinh nghiệm và khả năng cung cấp tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Bệnh viện xin trân trọng cảm ơn!



Trần Thị Thái Hà



PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2026-2027

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 156 /YCBG-BVDL ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Bệnh viện Đa liễu)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng
1	Lidocain hydroclorid	20 mg/g; 185 mg/g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	300
2	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	1.000
3	Alpha chymotrypsin	21 microkatal	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	2.000
4	Bilastine	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	22.000
5	Desloratadin	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	200.000
6	Desloratadin	1,25mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 4	20.000
7	Ebastin	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	80.000
8	Fexofenadin	180mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	150.000
9	Fexofenadin	360mg/60ml x 90ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Lọ	Nhóm 4	4.000
10	Ketotifen	1mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	30.000
11	Promethazin hydroclorid	2% 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	3.000
12	Rupatadine	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	30.000
13	Rupatadine	120mg/120ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 1	1.000
14	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	20.000
15	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	13.000
16	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	62.000
17	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	10.000
18	Triamcinolon acetonid	0.1%,5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	750
19	Gabapentin	300mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	9.000
20	Gabapentin	250mg/5 ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 4	2.000
21	Pregabalin	75mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
22	Ivermectin	3mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	2.000
23	Ivermectin	6mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	18.000
24	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg+ 31,25mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 2	20.000
25	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat); Sulbactam (dưới dạng Pivoxil sulbactam)	500mg; 125mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	Nhóm 4	8.000
26	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg+ 62,5mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 2	8.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng
27	Amoxicilin + acid clavulanic	1000mg + 62,5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	40.000
28	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	5.000
29	Metronidazol	1% 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	1.900
30	Azithromycin	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	54.000
31	Azithromycin	900mg/22,5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	300
32	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	20.000
33	Tetracyclin hydroclorid	1%-5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	Nhóm 4	215
34	Aciclovir	800mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	4.000
35	Aciclovir	200mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	2.000
36	Aciclovir	5%-5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	200
37	Ciclopirox olamin	1% ; 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	2.000
38	Ciclopiroxolamin	1g/100ml	Dùng ngoài	Thuốc gội đầu	Lọ	Nhóm 4	3.500
39	Itraconazol	200mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	30.000
40	Itraconazol	100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	80.000
41	Miconazol	2%, 10g	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Tuýp	Nhóm 4	500
42	Miconazol	0,3g/15ml x 30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	Nhóm 4	1.000
43	Terbinafin (hydroclorid)	250 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	20.000
44	Terbinafin (hydroclorid)	250 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	15.000
45	Terbinafin (hydroclorid)	10mg/1g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	12.000
46	Terbinafin (hydroclorid)	10mg/g,30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	5.000
47	Acitretin	25 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	3.000
48	Adapalen	1mg/g, 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	5.500
49	Calcipotriol	0,75mg, 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	500
50	Calcipotriol	50mcg/g, 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	400
51	Calcipotriol + betamethason (dipropionat)	0,75mg + 7,5mg; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	800
52	Calcipotriol + betamethason (dipropionat)	(1,5mg+ 15mg)/30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	700
53	Calcipotriol + betamethason (dipropionat)	0,005% + 0,0643%, 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 2	500
54	Clotrimazol	1%, 30gam	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	10.000
55	Clobetasol propionat	0,05% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	1.000
56	Desonid	0,5mg/g; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	3.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng
57	Fusidic acid + betamethason	2% (w/w) + 0,1% (w/w); 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	3.000
58	Fusidic acid + betamethason	2%+0,1%/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	14.000
59	Fusidic acid + hydrocortison	2%+1%; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	2.000
60	Isotretinoin	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	25.000
61	Isotretinoin	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	60.000
62	Isotretinoin	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	10.000
63	Mometason furoat	1 mg/g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	3.000
64	Mometason furoat	0,1% (kl/kl) x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	5.000
65	Mometason furoat	27mg, 30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	Nhóm 2	500
66	Hydrocortison	1%/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	1.500
67	Mupirocin	20mg/g; 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	3.000
68	Mupirocin	20mg/g, 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	3.000
69	Salicylic acid + betamethason dipropionat	3% + 0,064 %; 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	2.000
70	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(30mg/g + 0,5mg/g), 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	8.000
71	Salicylic acid + betamethason dipropionat	0.5mg; 20mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Kem	Nhóm 4	1.000
72	Tacrolimus	(5mg/5g) x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	1.000
73	Tacrolimus	(1,5mg/5g) x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	700
74	Tacrolimus	0,03%, 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	400
75	Urea	20%; 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	2.200
76	Clotrimazole + Selen Sulfide	600mg + 1500mg; 60ml	Dùng ngoài	Thuốc gội đầu	Chai/lọ	Nhóm 5	1.000
77	Clindamycin (dưới dạng clindamycin phosphat)	1%;30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 2	1.000
78	Clindamycin (dưới dạng clindamycin phosphat)	10mg (dưới dạng clindamycin phosphat 11,88 mg/ml); 30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 4	2.200
79	Clindamycin	10mg/g; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	6.000
80	Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat)	0.05%, 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2	8.000
81	Isotretinoin; Erythromycin	0,5mg+20mg; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	500
82	Adapalene; Benzoyl Peroxide	1mg+ 25mg;20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	800
83	Mỗi gam chứa: Adapalene + Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphat)	1mg + 10mg; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 5	800
84	Clindamycin Phosphate + Clotrimazole	100mg + 100mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	Nhóm 5	2.000
85	Metronidazol; Clotrimazol; Neomycin sulfat	500mg; 100mg; 56000IU	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	Nhóm 4	1.400
86	Omeprazol	40mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	40.000

H
VIỆN
IẾU

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng
87	Magnesium hydroxid ; Aluminium hydroxide (dưới dạng dried Aluminium hydroxyde gel) ; Simethicon (dưới dạng Simethicon emulsion)	(800,4 mg + 612 mg + 80mg) / 15g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	Nhóm 4	5.000
88	Kẽm gluconat	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	350.000
89	Kẽm gluconat	10mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 4	140.000
90	Vitamin B5	100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	29.700
91	Vitamin H (B8)	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	6.000
92	Vitamin H (B8)	10 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	30.000
93	Vitamin H (B8)	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	25.000
94	L-Cystin	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	120.000
95	L-Cystin; Pyridoxin hydroclorid	500mg, 50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	20.000
96	Nấm men khô chứa selen; Nấm men khô chứa crom; Acid ascorbic	25mg + 25mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	80.000
97	Acid ascorbic (dưới dạng natri ascorbat); Kẽm nguyên tố (dưới dạng Kẽm sulfat monohydrat)	Mỗi 5ml chứa: 100mg; 10mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 4	80.000
98	Vitamin E, Vitamin C, Beta caroten 30% hỗn dịch, Kẽm oxid, Đồng oxid, Selen, Mangan Sulfat	200 IU + 250mg + 10mg + 9,337mg + 1,252mg + 15µg + 4,613mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	120.000
99	Thymomodulin	120mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	100.000
100	Silymarin	140mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	200.000
101	Arginin hydroclorid	500mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 4	50.000
102	Arginin hydroclorid	800mg/8ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 4	150.000
103	L-Ornithin - L- aspartat	500 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	100.000
104	L-arginin - L- aspartat	200 mg/ml; 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 4	150.000
105	Cyclosporin	25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	8.000
106	Methotrexat	2.5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	10.000
107	Acid folic (vitamin B9)	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	8.000
108	Botulinum toxin	100 đơn vị	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	Nhóm 5	50
109	Cao lá Ginkgo biloba	60mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	5.000
110	Cao Ginkgo biloba	17,5mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 2	3.000
111	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon acetat)	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1	300
	Tổng số: 111 mặt hàng						



Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Da liễu

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Da liễu, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thuốc như sau:

1. Báo giá cho các thuốc và dịch vụ liên quan:

Số TT	Số TT YCB G	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	SDK/ GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Nhóm tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá bán buôn dự kiến/Giá kê khai (VND)	Báo giá đã có VAT (VND)	Số lượng	Thành tiền	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày trúng thầu đến thời điểm báo giá (VND)			
																	Giá trúng thầu (VND)	Số quyết định/ngày trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Hiệu lực hợp đồng
1																				

Ghi chú: Nhóm tiêu chí kỹ thuật của thuốc được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2026

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Cam kết về chất lượng của sản phẩm;

- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp